

**PHỤ LỤC I: BẢNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG**

(Kèm theo Văn bản số: /SXD-QLXD ngày /01/2023 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng (đồng/ngày công)	
			VÙNG III (TP Kon Tum và huyện Đăk Hà)	VÙNG IV (các huyện còn lại)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>			
1.1	Nhóm I	3,5/7	242.000	234.700
1.2	Nhóm II	3,5/7	245.700	241.500
1.3	Nhóm III	3,5/7	251.200	248.100
1.4	Nhóm IV			
-	Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	253.600	251.300
-	Lái xe các loại	2/4	253.600	251.300
<b>II</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>			
2.1	Vận hành tàu thuyền			
	+ Thuyền trưởng	1,5/2	389.000	371.000
	+ Thuyền phó	1,5/2	362.000	345.000
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	305.000	288.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	1,5/2	324.000	312.000
2.2	Thợ lặn	2/4	534.000	509.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	261.000	252.700
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	504.000	479.000

**Ghi chú:**

- Đơn giá nhân công xây dựng tại Phụ lục nêu trên được công bố theo nhóm, cấp bậc, hệ số theo theo Bảng 4.1 và Bảng 4.3 Phụ lục IV của Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

-Việc quy đổi đơn giá nhân công xây dựng theo cấp bậc trong hệ thống định mức dự toán theo hướng dẫn tại mục 2 phần I Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng